

Bản án số: 36/2021/HC-PT

Ngày: 26 - 01 - 2021.

V/v Khiếu kiện Quyết định hành  
chính, hành vi hành chính và yêu  
cầu bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Nhựt Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao  
tại thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:**  
Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành  
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:  
427/2018/TLST-HC ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc: “Khiếu kiện Quyết định  
hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 09/2018/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm  
2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4161/2020/QĐPT-HC  
ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

1. Bà Huỳnh Lộc N, sinh năm 1962 (có mặt).

2. Ông Trương Hỷ V, sinh năm 1965 (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông V:* Bà Huỳnh Lộc N, sinh năm 1962

(Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2017) (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 241/4, Tổ 6, khu vực L1, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N:* Luật sư Lý Yên H – Công ty Luật TNHH Minh Khang, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 02, đường Hòa Bình, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Nguyễn Chí K (có mặt);

Địa chỉ: Số 56/8, đường L2, phường A, quận K, thành phố Cần Thơ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T:* Ông Nguyễn Hữu T1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2017) (xin vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T:* Ông Lê Minh T2, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Quốc lộ 91, khu vực P1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện là bà Huỳnh Lộc N và người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trương Hỷ V - bà Huỳnh Lộc N trình bày:*

Gia đình bà Huỳnh Lộc N ông Trương Hỷ V bị Ủy ban nhân dân quận T thu hồi phần đất diện tích đất 2.362,7m<sup>2</sup> tại thửa 793 để xây dựng dự án Cầu Thốt Nốt và tuyến đường tránh Thốt Nốt thuộc dự án tín dụng ngành giao thông vận tải để cải tạo mạng lưới đường quốc gia lần thứ 2. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận T áp dụng mức bồi thường, hỗ trợ quá thấp, áp giá bồi thường theo loại đất Lúa là

không đúng. Bởi vì: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ00118 ngày 07/3/1997 do Ủy ban nhân dân quận T cấp cho ông V, bà N diện tích 4.221m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> loại đất ODT và 3.921 m<sup>2</sup> loại đất LÚA) nhưng tại phần sơ đồ đất không có ranh giới phân định đất ở và đất lúa, gia đình bà N cũng chưa làm nhà ở cụ thể ở vị trí nào nên có thể áp dụng tương tự pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Việc áp dụng mức giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư chưa tương xứng với giá trị giao dịch trên thị trường khi giải phóng mặt bằng trong quá trình thu hồi đất để thực hiện dự án. Đề nghị áp dụng mức giá bồi thường 6.000.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi.

Do đó, bà N, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại, Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 về việc thu hồi đất, Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất, yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014, Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc điều chỉnh Quyết định 1546/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T. Đồng thời bà N có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần là 5.000.000 đồng, thiệt hại về vật chất là 9.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà N còn có yêu cầu hủy Công văn số 301/VPUB-NC ngày 20/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có Công văn số 4401/UBND-NC ngày 18/12/2017 hủy Công văn số 301/VPUB-NC và ban hành Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/12/2017 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Lộc N. Vì vậy, bà N có thay đổi yêu cầu khởi kiện là hủy toàn bộ Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T có văn bản trình bày ý kiến:*

Qua kiểm tra, rà soát thấy rằng việc đền bù, giải phóng mặt bằng, giải quyết khiếu nại và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Trương Hỷ V và bà Huỳnh Lộc N để thực hiện dự án tuyến tránh Thốt Nốt là đúng quy định

pháp luật. Hộ gia đình bà N vẫn còn một phần diện tích đất không bị thu hồi là 1.858,3m<sup>2</sup>, trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở đô thị, cơ quan chức năng đã vận động nếu bà N đồng ý thu hồi đất ở thì sẽ xem xét phương án có thu hồi đất ở với số tiền bồi hoàn khác. Hành vi tự ý san lấp đối với diện tích 3.921m<sup>2</sup> đất trồng lúa của ông Trương Hỷ V và bà Huỳnh Lộc N dẫn đến thay đổi mục đích sử dụng đất khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, hộ bà N vẫn được xem xét hỗ trợ tiền san lấp mặt bằng là 226.819.200 đồng. Do đó, Ủy ban nhân dân quận T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V, bà N.

*Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có văn bản ý kiến:*

Ngày 02/01/2017, bà N gửi đơn khiếu nại Quyết định số 1857/QĐ- UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T. Biên bản triển khai Quyết định số 1857/QĐ-UBND gửi đến bà N là ngày 12/9/2016. Như vậy, tính đến thời điểm bà N gửi đơn là đã hơn 03 tháng (112 ngày). Căn cứ Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 thì thời hiệu khiếu nại của bà N đã hết nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/12/2017 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà N là đúng quy định pháp luật.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:*

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hỷ V, Bà Huỳnh Lộc N về việc khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định 1857/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại; Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà N.

Bác yêu cầu của ông Trương Hỷ V, bà Huỳnh Lộc N về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và thiệt hại về vật chất là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hỷ V, bà Huỳnh Lộc N về việc hủy một phần các Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày

09/6/2014; Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc điều chỉnh Quyết định 1546/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T. Hủy một phần các Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014; Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc điều chỉnh Quyết định 1546/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T ở phần bồi thường về đất của hộ ông Trương Hỷ V.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hỷ V, bà Huỳnh Lộc N đối với các Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về việc thu hồi đất; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 16/7/2018, bà Huỳnh Lộc N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 06/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (do ông Nguyễn Hữu T1 đại diện ủy quyền) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận các Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014; Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc điều chỉnh Quyết định 1546/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T là đúng quy định pháp luật.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người khởi kiện là bà Huỳnh Lộc N thay đổi kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do ở Tòa án cấp sơ thẩm người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận T vắng mặt nên bà không thể tranh tụng để bảo vệ quyền lợi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Lộc N – Luật sư Lý Yên H phát biểu ý kiến cho rằng Ủy ban nhân dân quận T không công khai giá đất cũng như phương án bồi thường là không đúng quy định; đơn giá bồi thường mà Ủy ban nhân dân quận T áp dụng cũng không phù hợp. Khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân quận T không lập bản vẽ chi tiết, từ đó không xác định được vị trí của phần đất 300<sup>2</sup> đất ở của bà N, dẫn đến việc áp giá bồi thường theo đơn giá đất lúa

là chưa đủ căn cứ. Quá trình tố tụng, người bị kiện đều vắng mặt nên không thể đối chất làm rõ được vấn đề này nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo quy định pháp luật. Đồng thời, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (đều do ông Nguyễn Hữu T1 đại diện theo ủy quyền) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T – ông Lê Minh T2 xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ – ông Nguyễn Chí K phát biểu ý kiến đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà N, chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, ông V.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đối với kháng cáo của người khởi kiện là bà Huỳnh Lộc N: việc áp giá bồi thường của Ủy ban nhân dân quận T đối với ông V, bà N là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà N.

Về kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T: Ủy ban nhân dân quận T đã ban hành Quyết định 2677/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc phê duyệt phương án kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đợt 6) số tiền về đất cho hộ ông Trương Hỷ V là: 92.637.000đ, như vậy, tổng số tiền bà N được bồi thường, hỗ trợ là 1.316.911.500 đồng, là bảo đảm quyền lợi của người khởi kiện. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V, bà N, hủy một phần các Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày

11/8/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014, Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc điều chỉnh Quyết định 1546/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T ở phần bồi thường về đất của hộ ông Trương Hỷ V là không đúng nên kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (đều do ông Nguyễn Hữu T1 đại diện theo ủy quyền), Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xin vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt những đương sự này.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Lộc N khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định 1857/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại, Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về việc thu hồi đất, Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc cưỡng chế thu hồi đất, yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014, Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc điều chỉnh Quyết định 1546/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T, hủy Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà N. Đồng thời bà N có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần là 5.000.000 đồng, thiệt hại về vật chất là 9.000.000 đồng. Xét thấy, đây là khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi không giải quyết khiếu nại và yêu cầu bồi thường thiệt hại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo Điều 7, khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 nên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

[3.1] Quyết định 1857/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T được triển khai cho bà N vào ngày 12/9/2016. Đến ngày 03/7/2017, bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định 1857/QĐ-UBND là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3.2] Đối với thời hiệu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 về việc thu hồi đất thấy rằng: Theo nội dung biên bản ngày 03/9/2015 về việc vận động ông Trương Hỷ V (có ông V ký tên) có nêu đến Quyết định 1232/QĐ-UBND cho ông V, bà N biết và theo đơn khiếu nại ngày 04/6/2016 của bà N có đính kèm theo Quyết định 1232/QĐ-UBND. Như vậy, tính đến ngày bà N, ông V khởi kiện tại Tòa án đối với Quyết định 1232/QĐ-UBND (ngày 26/10/2017) là đã hết thời hiệu khởi kiện 01 năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3.3] Đối với Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất, quyết định này được tổng đạt cho ông Trương Hỷ V theo biên bản tổng đạt ngày 26/4/2016, hộ ông Trương Hỷ V có nghe thông qua quyết định nhưng không đồng ý ký tên và tại phiên tòa sơ thẩm bà N cũng thừa nhận nội dung này. Như vậy, thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định 838/QĐ-UBND cũng đã hết.

[3.4] Thời hiệu khởi kiện đối với các Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014, Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc điều chỉnh Quyết định 1546/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T: Ngày 14/12/2015 Hội đồng bồi thường có trao thông báo về việc nhận tiền bồi thường số 1409/TB-HĐBT ngày 14/12/2015. Trong nội dung thông báo cũng có nêu đến các quyết định nói trên cho hộ ông Trương Hỷ V và tại phiên tòa sơ thẩm bà N cũng thừa nhận Ủy ban có tổng đạt các quyết định này nhưng bà không đồng ý nhận.

[3.5] Như vậy, tính đến ngày 26/10/2017 bà N, ông V khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định trên là đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, do các quyết định này có liên quan đến Quyết định giải quyết khiếu nại số 1857/QĐ-UBND còn thời hiệu khởi kiện nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định các Quyết định hết thời hiệu khởi kiện kể trên là các quyết định hành chính có liên quan nên vẫn xem xét tính hợp pháp của các quyết định này là đúng quy định pháp luật.

[4] Bà Huỳnh Lộc N kháng cáo cho rằng ở Tòa án cấp sơ thẩm, người bị kiện không tham gia phiên tòa làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà do không được đối thoại, tranh luận với người bị kiện. Tại khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính 2015 quy định Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hồ sơ vụ án thể hiện, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ (đều do ông Nguyễn Hữu T1 đại diện theo ủy quyền) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đều có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định pháp luật. Kháng cáo này của bà N là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nội dung khởi kiện:

[5.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định 1857/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại (Quyết định 1857).

Về thẩm quyền ban hành: Quyết định 1857 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về trình tự, thủ tục ban hành: Trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T có giao Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Thốt Nốt xác minh nội dung khiếu nại và tiến hành đối thoại. Căn cứ Báo cáo số 54/BC-TNMT ngày 13/7/2016 và kết quả đối thoại ngày 14/7/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định 1857 là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là quá thời hạn theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011, vấn đề này người bị kiện cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Quyết định 1857 có nội dung giải quyết khiếu nại của bà N về việc nâng mức giá bồi thường là 3.000.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với toàn bộ diện tích 2.362,7m<sup>2</sup> đất trồng lúa bị ảnh hưởng bởi dự án cầu Thốt Nốt và tuyến đường tránh Thốt Nốt thuộc dự án tín dụng ngành giao thông vận tải để cải tạo mạng lưới đường quốc gia lần thứ 2.

Xét thấy, hộ ông Trương Hỷ V là chủ sử dụng phần đất có diện tích  $4.221\text{m}^2$  (trong đó  $3.921\text{m}^2$  đất LUA,  $300\text{m}^2$  đất ODT) tại thửa 793, tờ bản đồ số 03 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ00118 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 04/3/2010. Phần đất hộ ông V bị thu hồi để thực hiện dự án cầu Thốt Nốt và tuyến đường tránh Thốt Nốt là  $2.362,7\text{m}^2$  đất trồng lúa (có  $586.8\text{m}^2$  nằm trong hành lang lộ giới không có thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Theo Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015, số tiền bồi thường, hỗ trợ mà ông V, bà N được nhận là 1.872.223.500 đồng, trong đó bồi thường về đất là 1.224.274.500 đồng.

Về giá đất bồi thường: Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Đối chiếu với Quyết định thu hồi đất số 1232/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 của Ủy ban nhân dân quận T thấy rằng phần đất của bà N, ông V bị thu hồi là đất lúa (phần đất ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N vẫn chưa bị thu hồi) nên sẽ được bồi thường theo giá đất lúa. Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, phần đất LUA của bà N tại vị trí số 01 có đơn giá là  $135.000\text{đ}/\text{m}^2$ . Tuy nhiên, để giảm bớt thiệt thòi cho người có đất bị thu hồi, căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn thành phố ngày 22/10/2015, Ủy ban nhân dân quận T đã áp dụng hệ số điều chỉnh  $K = 5$  và áp dụng nguyên tắc xác định giá các loại đất đối với thửa đất có chiều sâu lớn hơn 50m theo Phụ lục I nêu trên và Quyết định 3812/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND thành phố Cần Thơ là phù hợp. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu nâng giá bồi thường lên  $6.000.000\text{đ}/\text{m}^2$  đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của bà N là có cơ sở.

Tuy nhiên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: theo cách tính trên thì diện tích hộ ông Trương Hỷ V bị ảnh hưởng về đất là  $2.362,7\text{m}^2$  đất trồng lúa được bồi thường với số tiền là 1.316.911.500 đồng và theo nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1897 cũng xác định số tiền bồi thường về đất của ông V là 1.316.911.500 đồng. Tuy nhiên, theo danh sách tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời kèm theo Quyết định 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 của Ủy ban nhân dân quận T thì ông V chỉ được bồi thường về đất là 1.224.274.500 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy

ban nhân dân quận T cũng xác định số tiền bồi thường về đất đúng phải là 1.316.911.500 đồng. Do đó, Quyết định số 1598/QĐ-UBND có sai sót nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, ông V, hủy một phần các Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014, Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc điều chỉnh Quyết định 1546/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T đối với phần bồi thường, hỗ trợ của ông Trương Hỷ V để Ủy ban nhân dân quận T ban hành lại quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường điều chỉnh số tiền bồi thường về đất của hộ ông Trương Hỷ V cho đúng quy định là chưa phù hợp. Bởi lẽ, hồ sơ vụ án thể hiện, Ủy ban nhân dân quận T đã ban hành Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc phê duyệt phương án kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đợt 6) số tiền về đất cho hộ ông Trương Hỷ V là: 92.637.000đ. Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trương Hỷ V là: 1.316.911.500 đồng (1.224.274.500đ + 92.637.000đ) (BL 46, 47 và 48). Ủy ban nhân dân quận T đã bồi thường đủ cho hộ ông V, bà N theo quy định nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của người khởi kiện là không đúng. Do đó, kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T là có cơ sở chấp nhận nên sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Về xác định loại đất thu hồi: bà N cho rằng đất của bà bị thu hồi phải được bồi thường theo giá đất ở tại đô thị, và theo giá chuyển nhượng trên thị trường là 6.000.000đồng/m<sup>2</sup> mới phù hợp. Xét thấy: Phần đất của bà N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CQ00118 có 3.921m<sup>2</sup> đất LUA và 300m<sup>2</sup> đất ODT, theo quyết định thu hồi đất thì phần đất ở của bà N vẫn chưa bị thu hồi, bà N chỉ bị thu hồi 2.362,7m<sup>2</sup> đất trồng LUA. Ủy ban nhân dân quận T có vận động nếu bà N đồng ý thu hồi đất ở thì sẽ xem xét phương án có thu hồi đất ở với số tiền bồi hoàn khác. Theo Điều 11 Luật Đất đai năm 2013, việc xác định loại đất của bà N căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Như vậy, việc bà N yêu cầu áp giá bồi thường theo giá đất ở do bà đã san lấp mặt bằng là không phù hợp. Hơn nữa, hành vi tự ý san lấp mặt bằng là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận T cũng đã xem xét hỗ trợ công sức san lấp mặt bằng làm tăng giá trị của đất cho bà N với số tiền 226.819.200 đồng. Mặt khác, trong dự án này bị ảnh hưởng gồm 479 hộ dân thì trong đó có 478 hộ thống nhất về giá đất và chấp hành, chỉ riêng hộ bà N, ông V là có khiếu nại về giá đất. Do vậy, Bản án của Tòa án cấp sơ

thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về loại đất áp giá bồi thường là có cơ sở.

[5.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 về việc thu hồi đất, Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất. Như đã phân tích trên các Quyết định số 1232/QĐ-UBND, Quyết định 838/QĐ-UBND đã hết thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Mặt khác, tại các đơn khiếu nại ngày 04/6/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà N đều thống nhất với diện tích đất bị thu hồi, không có khiếu nại về diện tích thu hồi mà chủ yếu là do giá bồi thường về đất quá thấp nên bà N mới khởi kiện để yêu cầu nâng giá bồi thường thành 6.000.000đ/m<sup>2</sup>. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của bà N là đúng.

[5.3] Xét yêu cầu hủy Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ: Xét việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà N.

Người khởi kiện trình bày việc khiếu nại của bà đã thực hiện từ ngày 10/10/2016 bởi vì Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cũng thừa nhận đã nhận đơn khiếu nại của bà từ ngày 10/10/2016, còn đơn khiếu nại ngày 02/01/2017 chỉ là đơn khiếu nại bổ sung nên việc khiếu nại của bà N vẫn còn thời hiệu giải quyết.

Theo đơn khiếu nại đề ngày 12/10/2016 (dấu bưu điện đã gửi ngày 06/10/2016) có nội dung khiếu nại giá bồi thường thiệt hại. Đối chiếu với Điều 1, khoản 1 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011 thấy rằng yêu cầu theo đơn khiếu nại đề ngày 12/10/2016 của bà N không thuộc đối tượng khiếu nại được giải quyết theo Luật Khiếu nại năm 2011 nên không thể tính thời hiệu khiếu nại đối với Quyết định 1857 kể từ ngày 10/10/2016 như bà N trình bày.

Đến ngày 02/01/2017, bà N gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có nội dung khiếu nại Quyết định 1857 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T. Đơn khiếu nại này của bà N là khiếu nại lần 2 đối với Quyết định 1857 nhưng đã quá thời hiệu khiếu nại theo Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011. Bởi vì, theo biên bản triển khai Quyết định 1857 cho bà N là vào ngày 12/9/2016 đến ngày 02/01/2017 bà N mới gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã quá 90 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định 1857. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà N là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần

Thư ban hành Công văn số 301/VPUB ngày 20/01/2017 có nội dung không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông V, bà N là chưa đúng hình thức nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Công văn số 4401/VPUB-NC ngày 18/12/2017 hủy bỏ Công văn số 301/VPUB, đồng thời ban hành Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/12/2017 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông V, bà N là phù hợp. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này là có cơ sở.

[5.4] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần là 5.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất là 9.000.000 đồng:

Bà N cho rằng trong quá trình cưỡng chế thu hồi đất, đoàn cưỡng chế đã đe dọa, dùng vũ lực làm cho bà bị uy hiếp về tinh thần, tổn hại sức khỏe phải đi bác sĩ chữa trị nên bà N có yêu cầu bồi thường thiệt hại là 14.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N chỉ cung cấp được chứng cứ là các hóa đơn tiền thuốc nhưng tổng các hóa đơn này không đủ số tiền bà N yêu cầu bồi thường và cũng không có cơ sở để xác định các hóa đơn tiền thuốc này của bà N chữa trị do việc cưỡng chế thu hồi đất gây ra. Mặt khác, việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, đoàn cưỡng chế đã nhiều lần thuyết phục hộ bà N, ông V giao đất nhưng gia đình không hợp tác nên Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này là đúng.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh nên bác kháng cáo; và chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T như hướng phân tích tại mục [5.1]. Do vậy, sửa bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí:

[8.1] Án phí hành chính sơ thẩm: người khởi kiện là bà Huỳnh Lộc N và ông Trương Hỷ V mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng.

[8.2] Án phí dân sự sơ thẩm: người khởi kiện là bà Huỳnh Lộc N và ông Trương Hỷ V phải liên đới chịu 450.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

[8.3] Án phí hành chính phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

I/ Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T; Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Huỳnh Lộc N.

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số: 09/2018/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Áp dụng: Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 11, khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4, khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hỷ V, bà Huỳnh Lộc N về việc khởi kiện yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2014; Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 về việc điều chỉnh Quyết định 1546/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận T ở phần bồi thường về đất của hộ ông Trương Hỷ V và hủy toàn bộ Quyết định 1857/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại; Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Lộc N.

Bác yêu cầu của ông Trương Hỷ V, bà Huỳnh Lộc N về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và thiệt hại về vật chất là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hỷ V, bà Huỳnh Lộc N đối với các Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về việc thu hồi đất; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân quận T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

3. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: người khởi kiện là bà Huỳnh Lộc N và ông Trương Hỷ V mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được căn trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 000397 ngày 06/10/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Huỳnh Lộc N và ông Trương Hỷ V còn phải liên đới nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: người khởi kiện là bà Huỳnh Lộc N và ông Trương Hỷ V phải liên đới chịu 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

II/ Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

III/ Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Huỳnh Lộc N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ không phải chịu. Hoàn trả cho bà Huỳnh Lộc N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ mỗi đương sự 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 001242 ngày 20/7/2018 và số 001252 ngày 10/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh(1);
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (1);
- VKSND thành phố Cần Thơ (1);
- Cục THADS thành phố Cần Thơ (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu hồ sơ (1), VP (3), 14b (Án PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Phan Nhựt Bình**